

THÔNG BÁO

Về việc công bố Bệnh viện Mắt Nghệ An đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, lần 3

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Căn cứ Công văn số 376/K2ĐT-ĐH ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Bệnh viện Mắt Nghệ An tại bản công bố số 43/BVM-ĐTCĐT ngày 25/01/2024 (Mã hồ sơ: 000.00.48.H41-240125-0002) và đối chiếu với các quy định tại Khoản 2 Điều 8, Điều 9 và Khoản 2 Điều 10 Nghị định 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

- Tên cơ sở được công bố: **BỆNH VIỆN MẮT NGHỆ AN.**
- Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 0269/NA-GPHĐ, do Sở Y tế Nghệ An cấp ngày 29/06/2022.
- Địa chỉ: Số 40 – Đường Xô viết Nghệ Tĩnh - Xóm 10 - Xã Nghi Phú - Thành phố Vinh - Nghệ An.
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BS. Trần Tất Thắng
- Điện thoại liên hệ: 094.599.2626; Email: bvmatna@gmail.com
- Đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành:
 - Sau đại học: BS CKII – Chuyên ngành Nhãn khoa.
- Tên môn thực hành, nội dung thực hành, số lượng người thực hành có thể nhận được công bố chi tiết trong hồ sơ đính kèm.
- Trách nhiệm của cơ sở thực hành:
 - Cơ sở thực hành chỉ được ký hợp đồng đào tạo thực hành sau khi được công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế và tổ chức triển khai hoạt động đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành đã công bố;
 - Bảo đảm các yêu cầu của cơ sở thực hành theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Phối hợp với cơ sở giáo dục bảo đảm chất lượng đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo thực hành;

d) Xác nhận kết quả thực hành cho người học thực hành;

e) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng người tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Bệnh viện Mắt Nghệ An).

Sở Y tế Nghệ An trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Cục KHCN và Đào tạo, Bộ Y tế;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Bệnh viện Mắt Nghệ An;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các Phòng chức năng thuộc Sở Y tế;
- Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB, TTHCC tỉnh.



Trần Minh Tuệ

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN MẮT
Số: 43 /BVM-ĐTCĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Nghệ An, ngày 25 tháng 01 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe
(Bổ sung lần 2)**

Kính gửi: Sở Y tế Nghệ An

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện Mắt Nghệ An**
Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 0269/NA-GPHĐ, do Sở Y tế Nghệ An cấp ngày 29/06/2022.

Địa chỉ: Số 40 – Đường Xô viết Nghệ Tĩnh - Xóm 10 - Xã Nghi Phú - Thành phố Vinh - Nghệ An.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: **TS.BS. Trần Tất Thắng.**
Điện thoại liên hệ: 0945992626 Email: bvmatna@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Bệnh viện Mắt Nghệ An đã công bố đã công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe tại công văn số 367/BVMNA ngày 30/12/2019 và công bố bổ sung lần 1 tại công văn số 536/BVM-ĐTCĐT ngày 26/9/2022 để tổ chức hướng dẫn thực hành theo các quy định hiện hành.

Hiện nay năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất của Bệnh viện có thể đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành thêm một số loại hình đào tạo, vì vậy Bệnh viện bổ sung vào Bản công bố lần 1 ngày 30/12/2019 và Bản công bố lần 2 ngày 26/9/2022 (bổ sung lần 1) với các nội dung sau đây:

1. Ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành:
- Sau đại học: BS CKII – Chuyên ngành Nhãn khoa
2. Trình độ đào tạo thực hành (*Phụ lục 1 đính kèm*)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: (*Phụ lục 1 đính kèm*).
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (*Phụ lục 2 đính kèm*).
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa phòng (*Phụ lục 1 đính kèm*).
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (*Phụ lục 3 đính kèm*).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin bản công bố bổ sung theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, ĐTCĐT.



Trần Tất Thắng

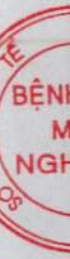
PHỤ LỤC 1: CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH, KHÓA HỌC; SỐ LƯỢNG NGƯỜI GIẢNG DẠY, SỐ GIƯỜNG BỆNH VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN MẮT NGHỆ AN
(Tại 1 thời điểm)

(Kèm theo công văn Số: 43 /BVM-ĐTCDT ngày 25 tháng 01 năm 2024 của bệnh viện Mắt Nghệ An)

A. PHẦN CÔNG BỐ

ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC: Bác sĩ chuyên khoa II – Chuyên ngành Nhãn khoa

STT	Mã ngành đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đủ tiêu chuẩn	Số lượng người TH tối đa tại cùng thời điểm theo NGD	Số giường tại khoa đạt theo yêu cầu TH	Số lượng người học thực hành tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CK60725601	Bác sĩ Chuyên khoa II	Nhãn khoa	Nhãn khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhãn khoa	Khám bệnh-Cận lâm sàng	0	0				0
						Đáy mắt-Màng bồ đào	1	5	2	6	0	5
						Kết giác mạc	1	5	2	6	0	5
						Tổng hợp – Glôcôm	1	5	2	6	0	5
Tổng cộng							1	15	6	18	0	15



B. PHÂN ĐIỀU CHỈNH

I. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC: Bác sĩ chuyên khoa I – Chuyên ngành Nhân khoa

(Cập nhật thông tin số lượng NGD, số giường so với Bản công bố số 367/BVMNA ngày 30/12/2019 và Bản công bố bổ sung lần 1 số 536/BVM-ĐTCDT ngày 26/9/2022)

STT	Mã ngành đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đủ tiêu chuẩn	Số lượng người TH tối đa tại cùng thời điểm theo NGD	Số giường tại khoa đạt theo yêu cầu TH	Số lượng người học thực hành tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CK607256	Bác sĩ Chuyên khoa I	Nhân khoa	Nhân khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhân khoa	Khám bệnh-Cận lâm sàng	1	5			0	5
						Đáy mắt-Màng bồ đào	1	5	4	12	0	5
						Kết giác mạc	1	5	4	12	0	5
						Tổng hợp – Glôcôm	1	5	4	12	0	5
Tổng cộng							4	20	12	36	0	20

II. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC: Bác sĩ y đa khoa / Nhân khoa

(Cập nhật thông tin số lượng NGD, số giường so với Bản công bố số 367/BVMNA ngày 30/12/2019 và Bản công bố bổ sung lần 1 số 536/BVM-ĐTCDT ngày 26/9/2022)

STT	Mã ngành đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đủ tiêu chuẩn	Số lượng người TH tối đa tại cùng thời điểm theo NGD	Số giường tại khoa đạt theo yêu cầu TH	Số lượng người học thực hành tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720101	Đại học	Y khoa / Đa khoa	Nhân khoa	Thực hành khám chữa bệnh Nhân khoa	Khám bệnh-Cận lâm sàng	2	20			0	20
						Đáy mắt-Màng bồ đào	1	10	7	21	0	10
						Kết giác mạc	1	10	7	21	0	10
						Tổng hợp – Glôcôm	1	10	7	21	0	10
Tổng cộng							4	50	21	63	0	50

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN MẮT NGHỆ AN
(Tại 1 thời điểm)

(Kèm theo công văn Số: 43 /BVM-DTCDT ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Bệnh viện Mắt Nghệ An)

A. PHẦN CÔNG BỐ

I. Sau đại học/Chuyên khoa II/Nhân khoa

(Điều chỉnh vị trí NGD so với Bản công bố số 367/BVMNA ngày 30/12/2019 và Bản công bố bổ sung lần 1 số 536/BVM-DTCDT ngày 26/9/2022)

Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Tất Thắng	Tiến sĩ	Nhân khoa	002262/NA-CCHN	Khám và điều trị Nhân khoa	Trên 36 tháng	Bệnh học màng bồ đào, dịch kính võng mạc nâng cao; Mắt trẻ em	Thoái hóa võng mạc chu biên và bong dịch kính sau Bệnh lý mạch máu võng mạc (tắc động mạch, tĩnh mạch, viêm thành mạch võng mạc) Bệnh võng mạc do tăng huyết áp Bệnh học vùng hoàng điểm: phù hoàng điểm, thoái hóa hoàng điểm tuổi già, lỗ hoàng điểm, loạn dưỡng, màng trước võng mạc Glacom bẩm sinh, đục thể thủy tinh bẩm sinh, bệnh võng mạc trẻ đẻ non, ung thư võng mạc, Các bệnh mắt do rối loạn di truyền	Khoa Đáy mắt – màng bồ đào	2
2	Phạm Văn Minh	BSCK.II	Nhân khoa	000489/NA-CCHN	Khám chữa bệnh Nhân khoa	Trên 36 tháng	Chấn thương mắt, Bệnh học Glacom, thủy tinh thể, Tạo hình thẩm mỹ	Chấn thương mi lệ bộ Chấn thương hốc mắt, dị vật hốc mắt Các tổn thương mắt do chấn thương đụng dập nhãn cầu, điều trị chấn thương xuyên nhãn cầu, không hoặc có dị vật nội nhãn Phẫu thuật thể thủy tinh, chỉnh khúc xạ sau mổ lấy TTT Xử lý các biến chứng trong phẫu thuật lấy thể thủy tinh	Khoa Tổng hợp - Glacom	2

								Bệnh Glacom nhãn áp bình thường, glôcôm thứ phát, một số hình thái giôcôm đặc biệt Phẫu thuật điều trị bệnh glôcôm, các biến chứng, xử lý Phẫu thuật tạo hình mi và hốc mắt		
3	Hồ Hữu Sơn	BSCK.II	Nhãn khoa	000488/NA-CCHN	Khám chữa bệnh Nhãn khoa	Trên 36 tháng	Kết giác mạc, củng mạc và lệ bộ	Bệnh lý bờ mi: viêm bờ mi, rối loạn chức năng tuyến Meibomius Bệnh túi lệ: viêm, khối u, nhiễm trùng Tắc lệ đạo và các phương pháp điều trị Viêm loét giác mạc Viêm nhu mô giác mạc Phẫu thuật ghép giác mạc Viêm củng mạc, thượng củng mạc Thoái hóa giác mạc và kết mạc Loạn dưỡng giác mạc	Khoa Kết giác mạc	2

B. PHẦN ĐIỀU CHỈNH

1. Sau đại học/Chuyên khoa I/Nhãn khoa

(Cập nhật thông tin NGD, số giường so với Bản công bố bổ sung lần 1 số 536/BVM-ĐTCDT ngày 26/9/2022)

Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Dur Hải Nam	Thạc sĩ	Nhãn khoa	009262/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	Trên 36 tháng	Nhãn khoa cơ sở và NK cộng đồng Bệnh học màng bồ đào, DKVM	Giải phẫu, sinh lý, phôi thai học, mô học, giải phẫu bệnh Chẩn đoán hình ảnh trong nhãn khoa Các khái niệm cơ bản vi sinh vật trong viêm nhiễm mắt Miễn dịch, di truyền Thuốc và laser ứng dụng trong nhãn khoa Nhãn khoa cộng đồng, Chương trình thị giác 2020 Thoái hóa võng mạc chu biên và bong dịch kính sau Bong võng mạc Bệnh lý mạch máu võng mạc Bệnh học vùng hoàng điểm Bệnh HVM trung tâm thanh dịch. Hội chứng võng mạc chấm trắng, co rút màng ngăn trong viêm hắc võng mạc Bong hắc mạc, xuất huyết dưới hắc mạc Bệnh hắc võng mạc di truyền Bệnh võng mạc tiểu đường Bệnh võng mạc do tăng huyết áp Bệnh võng mạc sau chấn thương Tổn thương trên OCT và chụp mạch huỳnh quang trong bệnh lý võng mạc Điều trị bệnh lý võng mạc bằng thuốc và laser Viêm nội nhãn (nội, ngoại sinh) Các hình thái viêm màng bồ đào Hội chứng viêm màng bồ đào màng não Biến chứng viêm MBĐ và điều trị Một số bất thường về giải phẫu, sinh lý MBĐ, dịch kính, võng mạc, đĩa thị	Khoa Đáy mắt màng bồ đào	4

2	Lê Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ	Nhãn khoa	009254/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	Trên 36 tháng	<p>Mắt trẻ em – Thần kinh nhãn khoa</p> <p>Lác và tạo hình</p> <p>Phôi thai học nhãn cầu Bệnh lý mắt sau nhiễm trùng phôi thai Viêm nội nhãn ở trẻ em Những bất thường nhãn cầu và các hội chứng Bệnh võng mạc trẻ đẻ non Đục thể thủy tinh bẩm sinh Ung thư võng mạc Glôcôm bẩm sinh Các bệnh mắt do rối loạn nhiễm sắc thể Các bệnh mắt do rối loạn chuyển hóa Các dạng tổn thương thị trường Phát triển thị giác bình thường và đánh giá thị lực ở trẻ nhỏ Các kỹ thuật khám lác cơ bản Sinh lý thị giác 2 mắt: phân bố thần kinh các cơ vận nhãn, lác đồng hành và bất đồng hành, quá hoạt và kém hoạt động cơ, các vận nhãn có chủ ý và không chủ ý Thị giác 2 mắt: tương ứng võng mạc bình thường và bất thường, ức chế đường đồng cảm, vùng Panum, hợp thị và thị giác hình nổi. Rung giật nhãn cầu. Các hội chứng vận nhãn bẩm sinh Lác ngang cơ năng Lác chéo, lác chữ A và V, lác giá, nhược thị Lác liệt Điều trị lác không phẫu thuật Phẫu thuật điều trị lác Khám trước và sau mổ các bệnh nhãn Tạo hình mắt Phẫu thuật tạo hình mi và hốc mắt Giải phẫu sinh lý võng mạc và đường dẫn truyền TKT, TK sọ, cung phản xạ đồng tử Bệnh lý thị thần kinh bẩm sinh, di truyền Bệnh lý thần kinh vận nhãn Bệnh lý thị thần kinh sau chấn thương Bệnh lý thị thần kinh do bệnh toàn thân Đánh giá, điều trị bất thường đồng tử Quang học, quang chính; các khái niệm cơ bản Tật khúc xạ. các phương pháp điều trị Tật khúc xạ. các phương pháp điều trị</p>	Khoa khám bệnh – Cận lâm sàng	
---	-------------------	---------	-----------	----------------	---------------------	---------------	--	-------------------------------	--

							<p>Khúc xạ lâm sàng: soi bóng đồng tử, đo kính Dụng cụ và các test áp dụng trong nhãn khoa</p> <p>Nhược thị do tật khúc xạ và phương pháp điều trị</p> <p>Khiếm thị: khái niệm, nguyên nhân, những trở ngại mà người khiếm thị thường mắc phải</p> <p>Các biện pháp hỗ trợ khiếm thị, các thiết bị quang học hỗ trợ</p> <p>Hỗ trợ người có thị trường thu hẹp, ám điễm trung tâm</p>		
							<p>Nguyên lý và các phương pháp đo nhãn áp, nhãn áp đích</p> <p>Đo và đánh giá thị trường tĩnh và động</p> <p>Soi góc tiền phòng bình thường và bất thường</p> <p>Đánh giá đầu thị thần kinh trong bệnh glôcôm trên lâm sàng và OCT</p> <p>Bệnh glôcôm góc đóng, góc mở nguyên phát</p> <p>Bệnh glôcôm nhãn áp bình thường, glôcôm thứ phát, một số hình thái glôcôm đặc biệt</p> <p>Điều trị bệnh glôcôm bằng thuốc và laser</p> <p>Phẫu thuật điều trị bệnh glôcôm các biến chứng, xử lý</p> <p>Phát hiện sớm glôcôm</p> <p>Các nguyên nhân và hình thái đục thể thủy tinh</p> <p>Các vấn đề quang học có liên quan đến thể thủy tinh</p> <p>Thăm khám và đánh giá trước mổ bệnh nhân đục thể thủy tinh</p> <p>Các phương pháp chỉnh khúc xạ sau mổ lấy thể thủy tinh</p> <p>Xử lý các biến chứng trong phẫu thuật lấy thể thủy tinh đục</p> <p>Điều trị đục bao sau bằng laser YAG</p> <p>Chấn thương mi mắt lệ bộ</p> <p>Chấn thương hốc mắt, dị vật hốc mắt</p> <p>Các tổn thương mắt do chấn thương đung đập nhãn cầu, điều trị chấn thương xuyên nhãn cầu, không hoặc có dị vật nội nhãn</p>		
3	Nguyễn Thùy Dung	Thạc sĩ	Nhãn khoa	007595/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	Trên 36 tháng	<p>Glôcôm – Chấn thương – Thể thủy tinh</p>	<p>Khoa Tổng hợp - Glôcôm</p>	4

								Bông hóa chất, nhiệt và tia Các di chứng sau bông và điều trị		
4	Văn Thị Lan Phuong	Bác sỹ nội trú	Nhãn khoa	009255/NA- CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	Trên 36 tháng	Bệnh học Kết giác mạc, củng mạc và lệ bộ	Bệnh lý bờ mi Các bất thường mi mắt Các tổn thương mị mắt lạnh và ác tính Chẩn đoán lồi mắt, viêm tổ chức hốc mắt và điều trị Bệnh túi lệ, tắc lệ đạo Giải phẫu, sinh lý, mô học kết giác mạc Viêm kết giác mạc cấp và mạn tính Viêm loét giác mạc Viêm nhu mô giác mạc Viêm củng mạc, thượng củng mạc Thoái hóa giác mạc, kết mạc và điều trị Các bệnh lý giác mạc vùng rìa Loạn dưỡng giác mạc di truyền Khối u kết giác mạc Dị ứng mắt Chẩn đoán và điều trị hờ giác mạc nặng Khô mắt, hội chứng Stevén-Johnson Phẫu thuật ghép giác mạc Phẫu thuật quặm, mộng, mủc nội nhãn	Khoa kết giác mạc	4

2. Đại học/Bác sỹ đa khoa/Nhân khoa

(Cập nhật thông tin NGD, số giường so với so với Bản công bố số 367/BVMNA ngày 30/12/2019 và Bản công bố bổ sung lần 1 số 536/BVM-ĐTCDT ngày 26/9/2022)

Danh sách giảng viên/khoa/giường đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thâm niên công tác	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lưu Thùy Linh	BS CKI	Nhân khoa	002728/NA-CCHN	Khám chữa bệnh về Mắt	Trên 36 tháng	Thực hành khám và chữa bệnh nhãn khoa	1. Chẩn đoán và điều trị, chăm sóc các bệnh về mắt: - Học phần 1: Khúc xạ: Đo thị lực, thị lực kính lỗ, các tật khúc xạ. - Học phần 2: Kết giác mạc: viêm kết mạc, viêm loét giác mạc, bệnh mi mắt, chắp lẹo, viêm bờ mi - Học phần 3: viêm màng bồ đào trước - Học phần 4: Đục TTT, Glacom góc đóng, Chấn thương nhãn cầu, Bỏng 2. Hướng dẫn sử dụng sinh hiển vi khám bệnh; làm hồ sơ bệnh án. 3. Bình bệnh án 4. Ôn tập, thi hết học phần	Khoa Đáy mắt màng bồ đào	7
2	Lê Văn Tùng	BS CK	Nhân khoa	009258/NA-CCHN	Khám chữa bệnh về Mắt	Trên 36 tháng			Khoa khám bệnh – Cận lâm sàng	0
3	Dương Bảo Trung	BS CK	Nhân khoa	014168/NA-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Trên 24 tháng			Khoa khám bệnh – Cận lâm sàng	0
4	Bùi Văn Lưu	BSNT	Nhân khoa	013683/NA-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Trên 24 tháng			Khoa Tổng hợp - Glacom	7
5	Nguyễn Hữu Vinh	BS CKI	Nhân khoa	002722/NA-CCHN	Khám chữa bệnh về Mắt	Trên 36 tháng			Khoa Kết giác mạc	7

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN MẮT

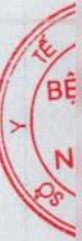
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ ĐÁP ỨNG ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN MẮT NGHỆ AN**

(Kèm theo công văn Số: 48 /BVM-ĐTCDT ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Bệnh viện Mắt Nghệ An)

I. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO DÙNG CHUNG TẠI HỘI TRƯỜNG

STT	Cơ sở vật chất, trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	- Hội trường	01	Tối đa 50 chỗ
1.1	+ Bàn gỗ (cái)	04	
1.2	+ Ghế da (cái)	20	
1.3	+ Laptop (máy)	01	
1.4	+ Hệ thống loa (bộ)	02	
1.5	+ Hệ thống camera (bộ)	01	
1.6	+ Hệ thống máy trình chiếu (bộ)	01	
1.7	+ Màn hình TV (cái)	01	
1.8	+ Điều hòa âm trần (cái)	02	
1.9	+ Quạt đảo chiều (cái)	02	



II. DANH SÁCH CƠ CỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐÀO TẠO GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Sau đại học/Đại học

1. KHOA KHÁM BỆNH – CẬN LÂM SÀNG

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban	01	
2	Phòng học	01	
3	Phòng trực	01	
4	Máy tính, bàn ghế, đồ dùng văn phòng,...	01	
5	Phòng chức năng (Đo thị lực, nhãn áp)	01	
6	Máy khám sinh hiển vi	08	
7	Kính laser mỏng mắt chu biên	01	
8	Kính laser bao sau	01	
9	Kính laser mỏng mắt	01	
10	Kính khám đáy mắt góc siêu rộng	01	
11	Máy chụp cắt lớp võng mạc 3 chiều	01	
12	Máy điện tâm đồ (máy điện tim)	01	
13	Máy đo công suất thủy tinh thể không tiếp xúc	01	
14	Máy đo đường huyết	01	
15	Máy đo khúc xạ/ Đo độ cong giác mạc tự động	01	
16	Máy siêu âm mắt A	01	
17	Máy siêu âm mắt B	02	
18	Máy chụp mạch huỳnh quang	01	
19	Máy siêu âm đo đọc các chỉ số sinh học (UBM) trong nhãn khoa	01	
20	Máy thử thị lực tự động có điều khiển từ xa	01	
21	Máy xét nghiệm nước tiểu	01	
22	Máy Laser YAG	01	
23	Máy điện tâm đồ (máy điện tim)	01	

2. KHOA ĐÁY MẮT MÀNG BỎ ĐÀO

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban	01	
2	Phòng học	01	
3	Phòng trực	01	
4	Máy tính, bàn ghế, đồ dùng văn phòng,...	01	
5	Phòng thủ thuật	01	
6	Giường bệnh	40	
7	Máy khám sinh hiển vi	01	
8	Kính khám đáy mắt góc siêu rộng	01	

3. KHOA TỔNG HỢP – GLÔCÔM

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban	01	
2	Phòng học	01	
3	Phòng trực	01	
4	Máy tính, bàn ghế, đồ dùng văn phòng,...	01	
5	Phòng thủ thuật	01	
6	Giường bệnh	40	
7	Máy khám sinh hiển vi	01	
8	Kính khám đáy mắt góc siêu rộng	01	

4. KHOA KẾT GIÁC MẠC

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban	01	
2	Phòng học	01	
3	Phòng trực	01	
4	Máy tính, bàn ghế, đồ dùng văn phòng,...	01	
5	Phòng thủ thuật	01	
6	Giường bệnh	40	
7	Máy khám sinh hiển vi	01	
8	Nồi hấp tiệt trùng	01	

5. KHOA PHẪU THUẬT – GÂY MÊ HỒI SỨC

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn phẫu thuật mắt	04	
2	Bộ lăng kính cắt dịch kính	01	
3	Hệ thống máy laser quang đông võng mạc đa điểm	01	
4	Hệ thống rửa tay phẫu thuật tự động	01	
5	Thấu kính Moria dùng trong phẫu thuật glaucoma	01	
6	Thước parang	01	
7	Máy cắt dịch kính bán phần sau tích hợp chức năng phaco	01	
8	Máy hấp tiệt trùng nhanh	01	
9	Máy hút dịch	01	
10	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	01	
11	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số	01	
12	Hệ thống thiết bị phẫu thuật phaco	02	
13	Máy phun sương khử khuẩn	01	
14	Nồi hấp tiệt trùng	01	

15	Nồi hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp Eo Gas	01	
16	Máy sinh hiển vi phẫu thuật đa năng	01	
17	Kính hiển vi phẫu thuật có camera	02	
18	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	04	
19	Máy sinh hiển vi phẫu thuật mắt kèm theo camera HD	01	
20	Kính hiển vi phẫu thuật đa năng	01	
21	Tủ sấy ga ly to	01	